

Phụ lục
Số liệu khám chữa bệnh của các cơ sở y tế thuộc Sở quản lý
Tháng 7 - 7 tháng /2026

TT	Chỉ số hoạt động	ĐVT	Tổng cộng			Hệ BV			Hệ TTYT		
			Tổng thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước	Tổng thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước
1	Số lượt người khám bệnh	Lượt	365.692	2.273.028	2.283.208	194.615	1.182.484	1.174.427	171.077	1.090.544	1.108.781
1.1	Trong đó: - Có thẻ BHYT	"	305.308	1.883.942	1.888.026	151.865	897.540	896.137	153.443	986.402	991.889
1.2	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ	"	24.093	149.037	141.208	8.484	48.710	48.353	15.609	100.327	92.855
1.3	- Trẻ ≤ 15 tuổi	"	47.619	302.576	328.160	29.561	175.627	174.745	18.058	126.949	153.415
1.4	- Người ≥ 60 tuổi	"	110.941	753.152	733.325	54.897	353.918	355.951	56.044	399.234	377.374
2	Số lượt BN khám bệnh phải chuyển tuyến	Lượt	15.395	98.355	104.373	3.638	24.430	27.112	11.757	73.925	77.261
2.1	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh		3.150	21.499	21.494	2.765	19.454	19.630	385	2.045	1.864
2.2	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	"	12.065	76.466	82.829	693	4.586	7.390	11.372	71.880	75.439
3	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	46.993	290.431	290.388	28.002	170.732	169.325	18.991	119.699	121.063
3.1	Trong đó: - Có thẻ BHYT	"	45.128	274.779	266.789	26.697	159.698	151.293	18.431	115.081	115.496
3.2	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ	"	4.879	25.535	22.568	3.174	16.250	15.667	1.705	9.285	6.901
3.3	- Trẻ ≤ 15 tuổi	"	11.236	71.712	83.136	8.055	46.990	51.107	3.181	24.722	32.029
3.4	- Người ≥ 60 tuổi	"	21.687	136.229	129.644	14.979	89.162	95.795	6.708	47.067	33.849
4	Số lượt bệnh nhân nội trú chuyển tuyến	Lượt	2.428	14.543	14.672	873	5.460	5.692	1.555	9.083	8.980
4.1	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh		555	3.392	3.249	500	2.949	2.613	55	443	636
4.2	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	"	1.738	10.321	10.807	239	1.685	2.452	1.499	8.636	8.355
5	Tổng số ngày điều trị của bệnh nhân nội trú	Ngày	278.620	1.711.776	1.633.437	178.335	1.102.005	1.020.056	100.285	609.771	613.381
6	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú ra viện	Lượt	45.876	285.478	276.788	28.048	171.585	161.803	17.828	113.893	114.985
6.1	Số điều trị khỏi	"	18.448	115.174	105.148	10.188	62.380	55.417	8.260	52.794	49.731
6.2	Số điều trị đỡ / giảm	"	24.162	146.987	148.868	15.909	95.553	92.561	8.253	51.434	56.307
6.3	Số điều trị không thay đổi	"	2.038	13.978	15.323	1.489	10.088	10.702	549	3.890	4.621
6.4	Số điều trị bị nặng hơn	"	1.182	8.899	6.602	440	3.259	2.608	742	5.640	3.994
6.5	Số tử vong	"	40	220	247	29	119	141	11	101	106
6.6	Tr.đó, Tử vong trong 24 giờ đầu nhập viện	"	22	92	92	16	40	54	6	52	38
7	Số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú	Lượt	203.807	1.292.572	1.369.311	107.298	664.211	710.437	96.509	628.361	658.874
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	"	12.631	40.937	40.201	11.285	32.697	30.799	1.346	8.240	9.402
8	Tổng số ngày điều trị bệnh nhân ngoại trú	Ngày	1.248.716	8.006.542	10.045.982	512.330	3.225.833	5.390.127	736.386	4.780.709	4.655.855
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	"	38.393	251.212	259.362	29.087	193.993	186.185	9.306	57.219	73.177
9	Tổng số xét nghiệm các loại	Lượt	744.269	4.397.594	4.099.181	547.632	3.181.540	3.015.320	196.637	1.216.054	1.083.861
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	331.818	2.032.430	1.898.741	265.447	1.615.898	1.569.555	66.371	416.532	329.186
10	Tổng số chiếu, chụp X-quang	Lượt	70.820	434.444	446.152	43.490	259.507	266.888	27.330	174.937	179.264
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	21.688	136.223	115.738	16.046	101.271	85.722	5.642	34.952	30.016
11	Tổng số chụp MRI/ CT-Scanner	Lượt	13.666	86.295	75.408	13.297	82.572	71.045	369	3.723	4.363
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	7.831	50.821	70.047	7.577	48.493	67.840	254	2.328	2.207
12	Tổng số siêu âm	Lượt	101.873	593.850	522.622	72.434	417.683	352.072	29.439	176.167	170.550
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	30.046	185.643	165.741	21.648	137.924	125.496	8.398	47.719	40.245
13	Tổng số điện tim, điện não	Lượt	34.357	206.544	177.010	24.039	139.941	109.802	10.318	66.603	67.208
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	16.434	104.894	76.819	12.192	77.543	49.801	4.242	27.351	27.018

			Tổng cộng			Tổng các BV phía đông			BVĐK Trung tâm tỉnh			BV Bồng Sơn			BV YHCT và PHCN			BV Lao và bệnh phổi Quy Nhơn		
TT	Chỉ số hoạt động	ĐVT	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước
1	Số lượt người khám bệnh	Lượt	194.615	1.182.484	1.174.427	101.075	630.041	661.576	38.104	241.365	214.655	18.947	136.423	134.190	1.391	7.258	6.163	929	6.857	8.136
1.1	Trong đó: - Có thẻ BHYT	"	151.865	897.540	896.137	80.041	487.551	532.529	28.875	186.784	167.334	17.556	121.830	121.819	1.219	6.059	5.203	579	2.791	2.797
1.2	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ	"	8.484	48.710	48.353	5.708	34.035	36.557	1.631	10.333	11.834	2.108	13.268	13.096	1.391	7.258	6.163	0	0	0
1.3	- Trẻ ≤ 15 tuổi	"	29.561	175.627	174.745	12.891	76.314	85.062	5.007	30.779	30.890	2.589	16.764	19.290	14	74	102	8	88	180
1.4	- Người ≥ 60 tuổi	"	54.897	353.918	355.951	31.156	212.975	236.318	11.507	78.115	87.591	8.170	53.652	52.140	743	6.614	3.171	410	3.253	3.771
2	Số lượt BN khám bệnh phải chuyển tuyến	Lượt	3.638	24.430	27.112	2.359	15.731	16.855	765	5.925	5.839	1.170	7.021	6.631	0	0	0	2	28	24
2.1	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh		2.765	19.454	19.630	1.657	11.652	11.029	745	5.795	5.677	800	5.060	4.783	0	0	0	2	27	22
2.2	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	"	693	4.586	7.390	595	3.979	5.768	13	89	105	270	1.910	1.848	0	0	0	0	1	2
3	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	28.002	170.732	169.325	16.583	102.247	99.054	8.239	53.283	49.830	2.593	18.794	18.236	1.276	5.282	4.678	273	1.830	1.902
3.1	Trong đó: - Có thẻ BHYT	"	26.697	159.698	151.293	16.023	97.166	88.783	8.014	51.538	43.901	2.507	17.611	17.415	1.173	4.864	4.334	262	1.776	1.847
3.2	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ	"	3.174	16.250	15.667	2.605	13.764	13.494	1.133	6.982	6.846	161	893	674	1.276	5.282	4.678	0	0	0
3.3	- Trẻ ≤ 15 tuổi	"	8.055	46.990	51.107	4.888	27.879	29.210	1.246	7.689	7.579	506	3.332	3.507	23	78	42	1	5	5
3.4	- Người ≥ 60 tuổi	"	14.979	89.162	95.795	12.299	73.151	80.911	6.239	43.394	48.826	964	6.515	5.864	651	2.763	2.526	148	1.100	1.223
4	Trong đó: - Có thẻ BHYT	Lượt	873	5.460	5.692	575	3.672	3.926	330	2.251	1.973	146	797	983	3	12	33	22	161	161
4.1	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh		500	2.949	2.613	284	1.688	1.472	195	1.306	1.154	71	261	233	0	0	0	8	55	40
4.2	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	"	239	1.685	2.452	193	1.300	1.848	37	256	213	75	536	750	3	12	33	14	111	121
5	Tổng số ngày điều trị của bệnh nhân nội trú	Ngày	178.335	1.102.005	1.020.056	101.403	646.894	590.294	56.793	374.736	312.754	15.363	102.453	104.271	12.034	65.390	56.619	2.588	16.662	17.858
6	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú ra viện	Lượt	28.048	171.585	161.803	16.159	101.293	92.540	8.239	53.283	45.610	2.629	18.548	17.943	892	4.898	4.335	269	1.809	1.900
6.1	Số điều trị khỏi	"	10.188	62.380	55.417	7.541	46.384	39.032	3.590	22.530	18.509	1.512	10.472	8.005	1	8	20	35	197	382
6.2	Số điều trị đỡ / giảm	"	15.909	95.553	92.561	7.387	46.441	46.356	3.822	24.699	22.377	876	6.685	8.856	831	4.535	3.984	200	1.360	1.279
6.3	Số điều trị không thay đổi	"	1.489	10.088	10.702	909	6.235	5.009	695	4.928	3.695	102	648	697	57	343	286	9	76	68
6.4	Số điều trị bị nặng hơn	"	440	3.259	2.608	304	2.164	1.718	117	1.065	981	136	737	358	3	12	33	25	174	169
6.5	Số tử vong	"	29	119	141	15	68	56	14	60	40	1	4	11	0	0	0	0	2	2
6.6	Tr.đó, Tử vong trong 24 giờ đầu nhập viện	"	16	40	54	6	25	18	5	21	13	1	4	4	0	0	0	0	0	0
7	Số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú	Lượt	107.298	664.211	710.437	77.444	484.250	528.051	27.671	175.440	154.043	15.184	110.608	109.323	414	2.231	1.661	654	4.947	6.210
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	"	11.285	32.697	30.799	1.847	12.395	14.697	654	4.538	3.405	219	1.414	1.439	88	435	397	0	0	0
8	Tổng số ngày điều trị bệnh nhân ngoại trú	Ngày	512.330	3.225.833	5.390.127	451.639	2.793.208	3.365.204	138.355	877.200	770.215	91.104	663.648	667.960	2.554	13.115	11.561	4.578	34.629	43.470
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	"	29.087	193.993	186.185	18.185	125.301	113.815	12.962	94.451	76.704	1.314	8.484	8.798	798	3.991	4.387	0	0	0
9	Tổng số xét nghiệm các loại	Lượt	547.632	3.181.540	3.015.320	264.177	1.571.861	1.739.340	126.615	767.656	815.299	27.413	208.500	196.498	2.455	15.183	9.394	3.780	24.431	23.258
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	265.447	1.615.898	1.569.555	137.439	849.386	1.037.703	88.913	560.663	753.825	18.535	122.740	106.131	2.264	14.287	9.133	2.240	14.392	13.523
10	Tổng số chiếu, chụp X-quang	Lượt	43.490	259.507	266.888	22.885	136.481	142.831	10.077	57.605	44.435	4.655	31.746	32.933	268	1.474	739	879	6.228	7.309
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	16.046	101.271	85.722	8.940	56.220	49.790	5.563	36.144	30.104	1.661	10.501	10.094	218	1.169	561	306	1.923	1.983
11	Tổng số chụp MRI/ CT-Scanner	Lượt	13.297	82.572	71.045	7.930	49.132	39.482	5.614	34.558	25.067	1.111	7.576	6.786	0	0	0	93	605	490
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	7.577	48.493	67.840	5.172	32.875	53.860	3.988	25.645	19.709	818	5.037	4.347	0	0	0	90	575	455
12	Tổng số siêu âm	Lượt	72.434	417.683	352.072	34.965	192.297	153.198	15.520	85.814	63.330	4.972	29.685	25.931	122	749	397	220	977	324
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	21.648	137.924	125.496	12.734	77.599	79.012	7.543	49.200	39.313	1.825	11.143	10.597	111	675	362	179	756	290
13	Tổng số điện tim, điện não	Lượt	24.039	139.941	109.802	13.428	75.710	64.973	5.766	33.779	26.583	2.535	14.828	14.039	210	1.479	1.258	100	650	443
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	12.192	77.543	49.801	6.827	43.032	35.364	3.813	25.045	20.533	1.362	8.378	5.188	205	1.462	1.258	88	594	378

		BV Tâm thần Quy Nhơn			BV Mắt Gia Lai			BV Hoà Bình			BV Bình Định			BV Thu Phúc			BV Mắt SG - Quy Nhơn		
TT	Chỉ số hoạt động	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước
1	Số lượt người khám bệnh	4.329	28.271	26.809	8.138	52.065	41.816	8.747	52.567	119.870	16.289	80.597	79.722	1.964	14.234	18.606	2.237	10.404	11.609
1.1	Trong đó: - Có thẻ BHYT	3.878	24.818	19.597	5.404	20.178	17.203	8.352	48.371	112.771	10.564	55.011	58.639	1.821	13.311	17.142	1.793	8.398	10.024
1.2	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ	0	0	0	0	0	0	398	2.394	4.536	121	462	629	59	320	299	0	0	0
1.3	- Trẻ ≤ 15 tuổi	208	1.140	1.228	992	5.570	5.217	508	2.877	6.840	3.064	16.672	17.917	170	1.036	2.151	331	1.314	1.247
1.4	- Người ≥ 60 tuổi	797	5.184	4.402	2.977	33.439	24.456	2.673	16.049	37.786	2.068	7.443	11.640	660	3.846	5.023	1.151	5.380	6.338
2	Số lượt BN khám bệnh phải chuyển tuyến	3	13	9	114	818	571	219	1.264	2.814	56	414	527	30	242	439	0	6	1
2.1	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh	0	0	0	110	770	547	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2.2	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	3	13	9	4	40	24	219	1.264	2.814	56	414	527	30	242	439	0	6	0
3	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú	285	1.839	1.700	1.684	9.892	8.900	264	1.244	2.945	1.447	7.685	7.981	7	50	96	515	2.348	2.786
3.1	Trong đó: - Có thẻ BHYT	274	1.744	1.614	1.658	8.852	6.506	254	1.189	2.794	1.365	7.232	7.522	7	50	94	509	2.310	2.756
3.2	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ	0	425	844	0	0	0	35	182	452	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3.3	- Trẻ ≤ 15 tuổi	21	73	55	12	30	35	15	0	47	3.064	16.672	17.917	0	0	23	0	0	0
3.4	- Người ≥ 60 tuổi	52	282	219	1.660	9.477	7.252	77	182	910	2.068	7.443	11.640	3	19	36	437	1.976	2.415
4	Trong đó: - Có thẻ BHYT	3	18	26	12	73	61	10	53	328	49	306	353	0	1	6	0	0	2
4.1	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh	0	0	0	10	66	45	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4.2	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	3	18	26	2	7	16	10	53	328	49	306	353	0	1	6	0	0	2
5	Tổng số ngày điều trị của bệnh nhân nội trú	4.615	31.081	29.973	1.784	12.160	11.302	1.507	7.944	17.824	6.112	33.700	36.400	32	241	507	575	2.527	2.786
6	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú ra viện	270	1.790	1.677	1.659	9.677	7.287	254	1.260	2.951	1.426	7.631	7.957	6	49	94	515	2.348	2.786
6.1	Số điều trị khỏi	0	0	0	1.313	7.959	6.452	75	218	406	505	2.675	2.744	0	31	510	2.325	2.483	0
6.2	Số điều trị đỡ / giảm	267	1.772	1.666	326	1.602	699	167	967	2.390	892	4.774	5.045	6	47	57	0	0	3
6.3	Số điều trị không thay đổi	0	0	0	9	33	18	4	25	75	28	157	147	2	6	5	23	17	0
6.4	Số điều trị bị nặng hơn	3	18	26	11	83	52	8	50	78	1	25	21	0	0	0	0	0	0
6.5	Số tử vong	0	2	2	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6.6	Tr.đó, Tử vong trong 24 giờ đầu nhập viện	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú	4.041	26.431	25.336	6.340	32.775	27.454	8.381	51.280	115.057	11.110	58.540	62.073	1.927	13.942	18.071	1.722	8.056	8.823
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	0	12	240	227	1.434	789	491	3.767	7.789	109	475	339	59	320	299	0	0	0
8	Tổng số ngày điều trị bệnh nhân ngoại trú	0	66.659	702.302	31.700	157.395	137.270	2.615	15.007	30.926	149.149	788.727	751.360	29.862	168.772	241.317	1.722	8.056	8.823
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	0	224	7.960	1.135	7.170	3.945	491	3.767	7.789	1.268	5.467	2.913	217	1.747	1.319	0	0	0
9	Tổng số xét nghiệm các loại	2.137	14.061	12.695	2.791	16.409	17.811	21.653	137.792	299.050	68.938	344.909	321.920	6.475	34.313	33.178	1.920	8.607	10.237
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	1.871	12.994	12.289	2.791	16.408	17.811	2.203	10.646	26.610	16.686	88.484	87.772	16	165	372	1.920	8.607	10.237
10	Tổng số chiếu, chụp X-quang	269	1.212	682	364	3.064	525	2.187	12.454	31.158	3.783	20.165	21.905	403	2.533	3.145	0	0	0
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	121	676	347	78	411	47	270	1.290	2.542	723	4.099	4.092	0	7	20	0	0	0
11	Tổng số chụp MRI/ CT-Scanner	0	0	0	0	0	0	74	300	514	1.020	5.937	6.363	18	156	262	0	0	0
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	0	0	0	0	0	0	10	74	28.101	266	1.543	1.246	0	1	2	0	0	0
12	Tổng số siêu âm	160	724	703	1.230	7.311	5.395	2.357	11.324	1.529	9.745	50.715	49.608	601	4.813	5.727	38	185	254
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	159	722	563	1.124	5.347	5.079	158	799	13.825	1.594	8.746	8.677	3	26	52	38	185	254
13	Tổng số điện tim, điện não	1.075	5.450	5.777	0	0	0	1.042	5.743	2.326	2.448	11.720	12.517	188	1.772	1.498	64	289	532
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	477	3.103	2.878	0	0	0	210	852	1.536	601	3.292	3.047	7	17	14	64	289	532

		Tổng các BV phía tây			BVĐK GL			BV Sản - Nhi GL			YDCT Pleiku			Lao&BP Pleiku			Tâm TK Pleiku		
TT	Chỉ số hoạt động	Tổng thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước
1	Số lượt người khám bệnh	93.540	552.443	512.851	24.428	156.918	154.081	6.306	38.924	38.079	746	3.560	4.577	234	1.387	1.360	2.199	14.249	13.090
1.1	Trong đó: - Có thẻ BHYT	71.824	409.989	363.608	22.655	139.938	132.779	5.078	29.294	28.990	707	3.192	4.270	169	932	1.310	2.029	12.936	11.575
1.2	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ	2.776	14.675	11.796	715	4.042	3.956	0	0	0	746	3.560	4.577	0	0	0	0	0	0
1.3	- Trẻ ≤ 15 tuổi	16.670	99.313	89.683	121	700	1.282	6.048	37.499	37.055	33	115	51	0	7	9	97	624	512
1.4	- Người ≥ 60 tuổi	23.741	140.943	119.633	11.545	72.775	66.073	0	0	0	335	1.629	2.552	77	527	485	316	2.086	1.454
2	Số lượt BN khám bệnh phải chuyển tuyến	1.279	8.699	10.257	886	6.489	7.843	156	829	1.003	0	16	62	5	22	19	1	5	10
2.1	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh	1.108	7.802	8.601	794	6.024	6.920	141	778	882	0	0	0	3	16	9	0	0	3
2.2	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	98	607	1.622	19	178	923	15	51	121	0	16	62	2	6	10	1	2	7
3	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú	11.419	68.485	70.271	3.640	23.498	25.053	1.910	11.580	12.880	467	1.960	1.518	113	609	638	98	616	534
3.1	Trong đó: - Có thẻ BHYT	10.674	62.532	62.510	3.420	21.400	22.473	1.835	11.026	11.948	466	1.941	1.499	110	581	612	90	559	473
3.2	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ	569	2.486	2.173	54	242	276	0	0	0	467	1.960	1.518	0	0	0	0	0	0
3.3	- Trẻ ≤ 15 tuổi	3.167	19.111	21.897	61	349	845	1.840	11.215	12.515	20	69	43	0	0	0	5	20	20
3.4	- Người ≥ 60 tuổi	2.680	16.011	14.884	1.276	7.847	7.504	0	0	0	242	1.033	829	34	270	302	10	95	22
4	Trong đó: - Có thẻ BHYT	298	1.788	1.766	150	894	899	34	187	249	1	18	24	14	85	74	2	25	18
4.1	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh	216	1.261	1.141	105	672	603	33	169	237	0	0	0	8	31	31	0	0	0
4.2	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	46	385	604	9	93	296	1	18	12	1	18	24	6	54	43	2	22	18
5	Tổng số ngày điều trị của bệnh nhân nội trú	76.932	455.111	429.762	28.849	179.875	152.234	13.418	75.980	94.439	5.435	25.295	24.931	1.465	7.867	7.975	2.066	11.702	10.539
6	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú ra viện	11.889	70.292	69.263	4.073	25.060	25.010	1.879	10.995	12.052	422	1.874	1.432	218	1.327	1.256	105	569	505
6.1	Số điều trị khỏi	2.647	15.996	16.385	118	518	3.440	1.169	6.313	6.498	4	38	2	7	66	96	1	3	1
6.2	Số điều trị đỡ / giảm	8.522	49.112	46.205	3.542	21.576	17.944	633	4.224	4.503	399	1.758	1.363	113	539	679	103	556	504
6.3	Số điều trị không thay đổi	580	3.853	5.693	329	2.272	3.018	48	266	880	18	60	45	86	644	438	1	9	0
6.4	Số điều trị bị nặng hơn	136	1.095	890	81	666	542	28	183	158	1	18	22	12	77	43	0	1	0
6.5	Số tử vong	14	51	85	13	33	66	1	13	13	0	0	0	0	1	0	0	0	0
6.6	Tr.đó, Tử vong trong 24 giờ đầu nhập viện	10	15	36	10	14	31	0	1	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú	29.854	179.961	182.386	7.719	45.902	57.043	0	0	0	279	1.600	3.059	121	778	722	2.098	13.619	12.546
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	9.438	20.302	16.102	332	1.970	1.525	0	0	0	84	317	274	0	0	0	0	0	0
8	Tổng số ngày điều trị bệnh nhân ngoại trú	60.691	432.625	2.024.923	14.473	89.625	1.518.364	0	0	0	1.092	4.341	5.347	1.050	9.086	10.132	0	0	0
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	10.902	68.692	72.370	6.754	43.660	35.475	0	0	0	1.092	4.341	5.347	0	0	0	0	0	0
9	Tổng số xét nghiệm các loại	283.455	1.609.679	1.275.980	74.059	443.777	247.765	13.579	76.667	57.702	1.865	7.725	7.396	2.278	11.347	12.241	353	2.097	639
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	128.008	766.512	531.852	51.400	314.901	167.804	11.109	62.807	49.099	1.830	7.543	7.001	1.898	9.446	11.726	117	1.088	511
10	Tổng số chiếu, chụp X-quang	20.605	123.026	124.057	4.884	29.384	27.501	1.284	7.366	12.824	217	932	1.547	175	1.063	1.080	3	22	10
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	7.106	45.051	35.932	2.753	17.316	9.118	884	6.034	7.187	203	842	1.411	136	981	976	3	22	10
11	Tổng số chụp MRI/ CT-Scanner	5.367	33.440	31.563	1.708	10.679	9.083	176	1.126	1.168	0	0	0	5	21	15	0	0	0
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	2.405	15.618	13.980	1.399	8.860	8.079	148	913	716	0	0	0	5	21	15	0	0	0
12	Tổng số siêu âm	37.469	225.386	198.874	7.055	40.970	35.827	2.024	12.433	10.695	87	257	583	57	2.930	2.896	0	1	21
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	8.914	60.325	46.484	3.614	23.277	14.733	937	5.980	3.560	85	253	523	48	2.751	2.501	0	1	3
13	Tổng số điện tim, điện não	10.611	64.231	44.829	4.564	28.031	8.134	40	205	156	79	532	857	111	684	724	0	0	0
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	5.365	34.511	14.437	3.080	20.444	1.513	14	87	108	79	532	857	95	457	628	0	0	0

		331			Hoàng Anh GL			Hùng Vương GL			Mắt CN		
TT	Chỉ số hoạt động	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước
1	Số lượt người khám bệnh	2.921	17.798	19.253	30.138	151.450	151.175	22.148	141.412	105.453	4.420	26.745	25.783
1.1	Trong đó: - Có thẻ BHYT	2.511	14.901	17.226	15.209	63.996	55.829	19.883	124.890	92.898	3.583	19.910	18.731
1.2	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ	555	2.598	68	0	0	0	760	4.475	3.195	0	0	0
1.3	- Trẻ ≤ 15 tuổi	247	1.748	3.113	4.991	24.467	24.751	4.203	28.709	17.894	930	5.444	5.016
1.4	- Người ≥ 60 tuổi	990	5.579	6.035	5.959	29.943	20.554	3.362	21.747	15.734	1.157	6.657	6.746
2	Số lượt BN khám bệnh phải chuyển tuyến	24	155	231	119	676	741	69	395	229	19	112	119
2.1	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh	4	20	1	102	577	609	45	275	58	19	112	119
2.2	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	20	135	230	17	99	132	24	120	137	0	0	0
3	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú	327	1.895	2.119	2.368	13.035	13.105	2.194	14.517	12.589	302	775	1.835
3.1	Trong đó: - Có thẻ BHYT	317	1.538	2.057	2.166	11.628	11.546	2.001	13.126	10.305	269	733	1.597
3.2	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ	12	53	20	0	0	0	36	231	359	0	0	0
3.3	- Trẻ ≤ 15 tuổi	31	253	686	633	3.582	4.238	565	3.550	3.457	12	73	93
3.4	- Người ≥ 60 tuổi	91	484	591	502	2.825	2.631	398	2.682	2.224	127	775	781
4	Trong đó: - Có thẻ BHYT	3	35	47	55	260	251	36	258	187	3	26	17
4.1	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh	0	1	0	44	188	175	23	174	78	3	26	17
4.2	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	3	34	47	11	72	76	13	74	88	0	0	0
5	Tổng số ngày điều trị của bệnh nhân nội trú	1.643	9.563	11.194	11.600	65.401	62.726	11.583	74.096	60.114	873	5.332	5.610
6	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú ra viện	292	1.438	2.126	2.400	13.032	12.901	2.194	14.188	12.167	306	1.809	1.814
6.1	Số điều trị khỏi	35	161	497	14	44	126	1.073	7.612	3.944	226	1.241	1.781
6.2	Số điều trị đỡ / giảm	249	1.012	1.548	2.323	12.665	12.437	1.085	6.251	7.225	75	531	2
6.3	Số điều trị không thay đổi	4	38	53	61	311	314	28	225	916	5	28	29
6.4	Số điều trị bị nặng hơn	4	32	27	2	9	23	8	100	73	0	9	2
6.5	Số tử vong	0	0	4	0	3	1	0	1	1	0	0	0
6.6	Tr.đó, Tử vong trong 24 giờ đầu nhập viện	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú	2.268	13.488	17.134	17.239	98.002	91.274	130	6.572	608	0	0	0
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	285	1.665	2.092	6.035	12.113	11.603	2.702	4.237	608	0	0	0
8	Tổng số ngày điều trị bệnh nhân ngoại trú	3.376	16.053	25.626	40.570	302.617	455.644	130	10.903	9.810	0	0	0
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	1.393	6.294	10.584	1.533	12.732	20.356	130	1.665	608	0	0	0
9	Tổng số xét nghiệm các loại	4.480	23.294	28.040	80.056	395.919	408.163	104.824	637.968	502.970	1.961	10.885	11.064
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	1.144	4.912	8.556	19.676	110.164	105.071	38.873	244.769	171.025	1.961	10.882	11.059
10	Tổng số chiếu, chụp X-quang	1.131	5.745	5.938	5.863	31.668	32.783	7.048	46.846	42.374	0	0	0
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	192	924	1.521	929	5.324	5.265	2.006	13.608	10.444	0	0	0
11	Tổng số chụp MRI/ CT-Scanner	0	0	0	1.585	8.934	9.111	1.893	12.680	12.186	0	0	0
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	0	0	0	306	1.799	1.680	547	4.025	3.490	0	0	0
12	Tổng số siêu âm	961	5.131	5.159	11.159	59.628	59.963	15.587	100.466	79.306	539	3.570	4.424
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	209	1.003	1.512	1.507	9.328	8.642	2.487	17.422	13.926	27	310	1.084
13	Tổng số điện tim, điện não	122	805	1.285	1.769	9.083	11.084	3.653	23.356	21.074	273	1.535	1.515
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	42	229	497	372	2.135	2.033	1.410	9.092	7.286	273	1.535	1.515

TT	Chỉ số hoạt động	ĐVT	Tổng cộng			Tổng các TTYT phía đông			Quy Nhơn			Tuy Phước			An Nhơn			Phù Cát		
			Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước
1	Tổng số khám bệnh (chỉ tính TTYT)	Lượt	171.077	1.090.544	1.108.781	95.665	616.854	616.856	16.865	110.426	102.002	9.772	63.555	66.428	12.660	86.005	93.495	13.146	85.795	89.171
	Trong đó: - Có thẻ BHYT	"	153.443	986.402	991.889	85.409	556.743	563.053	16.657	108.987	100.518	8.639	57.763	62.689	11.833	80.310	87.011	11.263	75.390	79.674
	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHD	"	15.609	100.327	92.855	5.857	35.463	36.906	1.099	7.148	7.374	1.120	7.135	6.872	216	1.144	1.249	1.010	5.529	6.134
	- Trẻ ≤ 15 tuổi	"	18.058	126.949	153.415	8.695	59.946	70.213	1.903	12.623	12.142	765	5.497	6.753	1.194	9.779	11.329	922	6.476	12.381
	- Người ≥ 60 tuổi	Lượt	56.044	399.234	377.374	37.706	247.799	238.794	6.061	39.969	35.298	4.252	27.896	28.493	5.566	36.858	37.088	5.406	36.265	36.238
2	Số lượt BN khám bệnh phải chuyển tuyến		11.757	73.925	77.261	5.414	36.753	37.794	109	1.119	1.222	435	3.191	3.938	875	6.615	6.438	722	4.584	4.550
	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh		385	2.045	1.864	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	"	11.372	71.880	75.439	5.414	36.753	37.794	109	1.119	1.222	435	3.191	3.938	875	6.615	6.438	722	4.584	4.550
	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	18.991	119.699	121.063	10.251	64.216	60.564	1.711	10.405	9.505	1.060	5.974	5.977	1.480	10.391	10.648	1.033	7.157	6.966
	Trong đó: - Có thẻ BHYT	"	18.431	115.081	115.496	10.060	62.671	58.901	1.687	10.018	9.294	1.040	5.863	5.847	1.444	10.103	10.263	1.023	7.048	6.855
3	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHD	"	1.705	9.285	6.901	1.320	7.052	5.325	97	472	308	196	852	784	158	899	899	219	1.288	933
	- Trẻ ≤ 15 tuổi	"	3.181	24.722	32.029	1.704	14.629	10.674	362	2.006	2.088	103	714	620	335	2.741	2.997	166	1.393	1.449
	- Người ≥ 60 tuổi	"	6.708	47.067	33.849	4.909	34.949	22.798	510	3.034	2.583	497	2.777	2.533	545	3.712	3.531	552	3.561	3.262
	Trong đó: - Có thẻ BHYT	Lượt	1.555	9.083	8.980	1.009	5.157	4.284	20	167	154	15	137	162	109	927	865	68	458	498
	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh		55	443	636	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	"	1.499	8.636	8.355	1.009	5.157	4.284	20	167	154	15	137	162	109	927	865	68	458	498
	Tổng số ngày điều trị của bệnh nhân nội trú	Ngày	100.285	609.771	613.381	57.948	354.298	334.722	9.902	59.456	54.640	4.763	29.664	30.699	8.584	56.977	56.814	5.961	40.362	43.776
	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú ra viện	Lượt	17.828	113.893	114.985	9.540	60.670	57.831	1.720	10.331	9.472	871	4.835	4.738	1.461	10.349	10.682	1.088	7.188	7.231
	Số điều trị khỏi	"	8.260	52.794	49.731	3.547	23.494	26.501	539	3.208	3.912	166	1.132	1.836	631	4.139	5.135	312	2.654	2.693
	Số điều trị đỡ/giảm	"	8.253	51.434	56.307	5.214	31.421	25.792	1.131	6.683	5.120	686	3.538	2.699	718	5.241	4.599	694	3.972	3.947
5	Số điều trị không thay đổi	"	549	3.890	4.621	275	1.981	1.862	30	272	254	7	49	59	69	589	584	11	96	110
	Số điều trị bị nặng hơn	"	742	5.640	3.994	502	3.750	3.328	20	167	155	12	116	144	43	380	364	71	466	481
	Số tử vong	"	11	101	106	1	5	11	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tr.đó, Tử vong trong 24 giờ đầu nhập viện	"	6	52	38	0	4	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Trong đó: Tử vong trong 24 giờ đầu nhập viện		6	52	38	0	4	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú	Lượt	96.509	628.361	658.874	74.188	481.241	494.847	14.976	98.634	90.943	8.795	57.665	60.701	8.927	59.388	65.537	10.247	70.241	74.253
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	"	1.346	8.240	9.402	495	2.749	2.714	67	380	431	0	0	0	25	220	280	81	543	406
	Tổng số ngày điều trị bệnh nhân ngoại trú	Ngày	736.386	4.780.709	4.655.855	694.451	4.539.397	4.479.503	198.715	1.341.586	1.173.907	107.867	720.643	719.361	120.846	784.874	818.702	151.028	978.808	1.028.950
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	"	9.306	57.219	73.177	4.573	21.841	19.480	470	3.184	3.428	0	0	0	145	1.200	2.110	560	3.260	2.338
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	66.371	416.532	329.186	42.900	268.580	234.419	14.264	89.432	78.815	3.064	16.774	14.323	4.903	32.237	31.161	7.983	50.778	44.394
7	Tổng số xét nghiệm các loại	Lượt	196.637	1.216.054	1.083.861	126.963	797.349	672.957	31.571	205.940	156.312	9.178	52.570	35.622	14.621	97.665	87.336	19.591	125.504	124.245
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	66.371	416.532	329.186	42.900	268.580	234.419	14.264	89.432	78.815	3.064	16.774	14.323	4.903	32.237	31.161	7.983	50.778	44.394
	Tổng số chiếu, chụp X-quang	Lượt	27.330	174.937	179.264	17.291	110.375	107.265	4.394	28.812	26.617	2.819	18.679	17.442	1.979	12.688	11.855	1.780	10.936	13.047
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	5.642	34.952	30.016	3.488	21.383	20.110	984	5.983	5.472	566	2.968	2.351	391	2.571	2.702	391	2.179	2.398
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	369	3.723	4.363	221	2.331	2.228	110	1.195	1.320	0	0	0	23	559	451	0	0	0
8	Tổng số chụp MRI/ CT-Scanner	Lượt	254	2.328	2.207	153	1.572	1.583	93	838	993	0	0	0	21	485	395	0	0	0
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	254	2.328	2.207	153	1.572	1.583	93	838	993	0	0	0	21	485	395	0	0	0
	Tổng số siêu âm	Lượt	29.439	176.167	170.550	15.791	95.268	85.611	4.238	26.657	19.511	1.152	7.489	7.084	2.430	15.206	14.635	1.490	9.607	11.166
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	8.398	47.719	40.245	4.794	27.098	23.440	1.451	8.231	5.478	271	1.541	1.380	704	4.042	4.398	574	3.495	3.608
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	10.318	66.603	67.208	8.715	55.816	53.829	1.871	11.988	10.021	631	3.905	2.918	2.082	12.282	7.913	1.519	10.752	9.386
9	Tổng số điện tim, điện não	Lượt	10.318	66.603	67.208	8.715	55.816	53.829	1.871	11.988	10.021	631	3.905	2.918	2.082	12.282	7.913	1.519	10.752	9.386
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	4.242	27.351	27.018	3.555	22.743	22.762	684	4.307	3.709	265	1.690	1.550	710	4.832	4.436	729	4.708	4.841
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	4.242	27.351	27.018	3.555	22.743	22.762	684	4.307	3.709	265	1.690	1.550	710	4.832	4.436	729	4.708	4.841
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	4.242	27.351	27.018	3.555	22.743	22.762	684	4.307	3.709	265	1.690	1.550	710	4.832	4.436	729	4.708	4.841
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	4.242	27.351	27.018	3.555	22.743	22.762	684	4.307	3.709	265	1.690	1.550	710	4.832	4.436	729	4.708	4.841

(*): các đơn vị không báo cáo

TT	Chỉ số hoạt động	Phù Mỹ			Hoài Ân			Hoài Nhơn			Tây Sơn			Vân Canh			An Lão		
		Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước
1	Tổng số khám bệnh (chỉ tính TTYT)	10.076	63.103	61.429	7.197	45.963	45.185	6.621	42.143	42.260	9.598	59.771	64.128	1.951	11.220	12.260	1.917	11.974	12.337
	Trong đó: - Có thể BHYT	8.046	51.046	51.620	5.947	37.989	37.182	6.518	41.469	41.468	8.176	52.135	56.864	1.631	9.806	10.804	1.733	10.702	10.993
	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHD	609	3.626	3.481	110	642	423	578	3.310	3.066	820	5.235	6.258	151	1.002	1.151	82	422	637
	- Trẻ ≤ 15 tuổi	705	4.719	5.735	708	5.115	6.165	684	4.811	5.622	477	3.288	4.275	286	1.380	1.225	230	1.414	1.564
	- Người ≥ 60 tuổi	4.147	26.604	24.912	2.652	17.384	15.393	2.906	18.717	16.788	4.113	26.640	27.781	482	2.983	3.271	639	4.290	4.222
2	Số lượt BN khám bệnh phải chuyển tuyến	832	5.393	6.007	863	5.311	5.017	494	3.382	3.332	492	3.508	3.499	87	588	661	232	1.345	1.328
	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		0			0	
	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	832	5.393	6.007	863	5.311	5.017	494	3.382	3.332	492	3.508	3.499	87	588	661	232	1.345	1.328
	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú	862	5.364	4.861	831	5.434	3.959	914	6.113	5.496	1.139	6.292	6.717	288	1.553	1.528	303	1.577	1.605
	Trong đó: - Có thể BHYT	830	5.078	4.633	826	5.471	3.890	894	5.981	5.336	1.109	6.068	6.483	284	1.502	1.498	299	1.552	1.580
3	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHD	202	931	798	110	642	423	185	1.224	672	50	215	209	18	121	119	40	138	110
	- Trẻ ≤ 15 tuổi	110	781	910	119	1.058	878	31	266	291	54	269	382	255	379	115	38	178	172
	- Người ≥ 60 tuổi	409	2.384	1.930	364	2.319	1.599	422	2.689	2.194	530	2.830	2.842	654	937	298	88	513	473
	Trong đó: - Có thể BHYT	159	1.056	471	16	132	154	52	310	312	107	728	848	361	529	187	21	178	183
	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		0			0	
4	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	159	1.056	471	16	132	154	52	310	312	107	728	848	361	529	187	21	178	183
	Tổng số ngày điều trị của bệnh nhân nội trú	6.775	31.298	29.398	3.867	28.337	20.111	5.476	31.544	25.025	5.313	40.070	39.388	1.783	8.245	6.649	1.626	6.481	5.366
	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú ra viện	841	5.265	4.850	715	4.802	3.711	753	5.497	4.984	939	5.731	6.113	299	1.536	1.543	214	1.194	1.211
	Số điều trị khỏi	208	1.945	2.089	569	3.700	2.789	355	2.542	2.748	394	2.133	2.421	52	259	515	136	593	573
	Số điều trị đỡ/giảm	461	2.116	2.220	130	960	464	321	2.447	1.844	425	2.773	2.611	218	1.078	831	58	421	438
5	Số điều trị không thay đổi	31	173	77	3	15	9	65	408	256	23	133	233	5	32	42	16	132	154
	Số điều trị bị nặng hơn	140	1.023	462	13	120	146	12	100	136	96	688	844	24	163	148	4	48	45
	Số tử vong	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	4	4	0	0	6	0	0	0
	Tr.đó, Tử vong trong 24 giờ đầu nhập viện	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	3	0	2	0		0	0
	Số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú	9.214	57.739	56.568	6.366	40.529	51.882	166	715	584	8.114	49.937	54.072	1.256	7.665	9.561	1.186	7.626	7.890
6	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	0	0	0	0	0	0	166	715	584	101	565	576		0	0	36	246	235
	Tổng số ngày điều trị bệnh nhân ngoại trú	46.070	288.695	282.840	0	0	0	2.280	7.526	4.268	40.570	249.685	270.360	8.792	53.655	66.927	18.131	113.248	112.508
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	0	0	0	0	0	0	2.280	7.526	4.268	1.028	5.647	6.022		0	0	71	944	1.112
	Tổng số xét nghiệm các loại	14.350	85.892	82.098	8.780	50.161	44.059	13.353	79.877	64.568	5.290	30.742	28.406	2.599	12.110	8.420	1.812	11.619	10.818
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	2.567	15.886	18.700	2.204	16.145	9.194	2.975	19.082	19.332	1.050	6.398	6.680	785	3.292	2.078	468	2.697	2.454
7	Tổng số chiếu, chụp X-quang	1.047	6.643	7.530	1.178	7.291	6.330	1.677	10.818	10.919	1.181	7.035	6.870	506	2.732	2.207	256	1.668	1.910
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	170	1.133	1.136	237	1.547	1.001	187	1.516	1.456	193	1.338	1.779	143	785	614	56	325	366
	Tổng số chụp MRI/ CT-Scanner	0	0	0	0	0	0	0	0	0	88	577	457		0		0	0	0
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	0	0	0	0	0	0	0	0	0	39	249	195		0			0	0
	Tổng số siêu âm	1.453	8.373	8.154	1.065	6.041	5.287	1.678	9.372	9.399	818	4.923	4.558	347	1.531	1.229	247	1.051	1.472
8	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	311	1.722	2.316	402	2.392	1.558	373	2.170	2.010	206	1.117	1.078	110	434	336	47	207	232
	Tổng số điện tim, điện não	704	4.540	10.550	120	446	340	933	5.906	5.674	458	3.398	4.221	45	372	387	33	204	342
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	336	2.101	2.773	64	305	307	401	2.465	2.292	184	1.251	1.611	27	112	169	11	80	202

(*): các đơn vị không báo cáo

TT	Chỉ số hoạt động	Vĩnh Thạnh			Tổng các TTYT phía tây			Chư Păh			Chư Prông			Chư Pưh			Chư Sê		
		Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước	Tổng thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước
1	Tổng số khám bệnh (chỉ tính TTYT)	5.862	36.899	28.161	75.412	473.690	491.925	2.430	15.210	11.812	2.360	15.994	16.091	2.390	14.535	14.724	9.904	62.094	54.787
	Trong đó: - Có thẻ BHYT	4.966	31.146	24.230	68.034	429.659	428.836	2.234	14.241	10.989	2.291	14.790	14.725	2.252	13.365	13.458	8.565	53.335	51.927
	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHD	62	270	261	9.752	64.864	55.949	176	1.089	385	880	5.811	2.030	0	0	0	1.308	6.888	7.099
	- Trẻ ≤ 15 tuổi	821	4.844	3.022	9.363	67.003	83.202	300	1.940	1.635	365	2.485	3.036	389	3.598	2.792	1.314	9.086	11.136
	- Người ≥ 60 tuổi	1.482	10.193	9.310	18.338	151.435	138.580	737	4.813	3.769	768	5.162	5.002	626	4.222	4.122	2.863	18.787	15.266
2	Số lượt BN khám bệnh phải chuyển tuyến	273	1.717	1.802	6.343	37.172	39.467	145	1.049	1.142	195	1.149	1.538	422	2.474	2.545	480	3.088	3.728
	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh	0	0	0	385	2.045	1.864	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	273	1.717	1.802	5.958	35.127	37.645	145	1.049	1.142	195	1.149	1.538	422	2.474	2.545	480	3.088	3.728
	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú	630	3.956	3.302	8.740	55.483	60.499	281	1.651	1.926	226	1.633	1.786	302	1.964	1.413	941	5.958	6.194
	Trong đó: - Có thẻ BHYT	624	3.987	3.222	8.371	52.410	56.595	272	1.574	1.840	214	1.470	1.683	282	1.738	1.168	911	5.638	5.798
3	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHD	45	270	70	385	2.233	1.576	2	59	40	23	122	119	0	0	0	11	75	67
	- Trẻ ≤ 15 tuổi	131	4.844	772	1.477	10.093	21.355	78	414	701	44	385	671	0	0	0	112	527	2.957
	- Người ≥ 60 tuổi	338	10.193	1.553	1.799	12.118	11.051	53	360	344	58	348	398	0	0	0	189	1.399	1.086
	Trong đó: - Có thẻ BHYT	81	535	450	546	3.926	4.696	7	68	102	19	102	138	33	198	147	28	249	412
	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh	0	0	0	55	443	636	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	81	535	450	490	3.479	4.071	7	68	102	19	102	138	33	198	147	28	249	412
	Tổng số ngày điều trị của bệnh nhân nội trú	3.898	21.864	22.856	42.337	255.473	278.659	1.654	9.584	12.967	1.245	8.147	8.955	1.276	8.322	7.605	3.405	22.546	29.620
	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú ra viện	639	3.942	3.296	8.288	53.223	57.154	288	1.637	1.867	202	1.388	1.790	241	1.572	1.236	913	5.617	5.476
	Số điều trị khỏi	185	1.189	1.790	4.713	29.300	23.230	195	880	772	164	1.102	1.430	0	1	1.034	328	2.179	24
	Số điều trị đỡ/giảm	372	2.192	1.019	3.039	20.013	30.515	84	656	1.068	24	218	296	202	1.347	229	544	3.130	5.048
5	Số điều trị không thay đổi	15	82	84	274	1.909	2.759	4	63	27	7	29	39	23	94	102	22	158	279
	Số điều trị bị nặng hơn	67	479	403	240	1.890	666	5	34	0	7	38	23	16	128	45	19	150	125
	Số tử vong	0	0	0	10	96	95	0	4	5	0	1	2	0	2	1	0	0	0
	Tr.đó, Tử vong trong 24 giờ đầu nhập viện	0	0	0	6	48	35	0	1	0	0	1	2	0	0	0	0	0	0
	Số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú	4.941	31.102	22.856	22.321	147.120	164.027	23	118	781	27	242	348	0	0	0	121	622	845
6	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	19	80	202	851	5.491	6.688	23	118	781	27	242	348	0	0	0	121	622	845
	Tổng số ngày điều trị bệnh nhân ngoại trú	152	677	1.680	41.935	241.312	176.352	177	899	1.385	0	0	0	0	0	0	1.198	6.024	7.605
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	19	80	202	4.733	35.378	53.697	177	899	1.385	0	0	0	0	0	0	1.198	6.024	7.605
	Tổng số xét nghiệm các loại	5.818	45.269	31.073	69.674	418.705	410.904	1.834	6.705	5.506	1.652	10.513	10.333	2.419	15.114	14.115	8.032	48.091	23.279
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	2.637	15.859	7.288	23.471	147.952	94.767	993	2.748	2.367	481	2.834	3.244	509	3.261	668	2.740	16.908	9.834
7	Tổng số chiếu, chụp X-quang	474	3.073	2.538	10.039	64.562	71.999	268	1.909	2.004	310	1.922	1.535	437	2.721	2.534	1.036	6.657	5.557
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	170	1.038	835	2.154	13.569	9.906	41	390	360	45	321	239	53	473	331	186	1.545	820
	Tổng số chụp MRI/ CT-Scanner	0	0	0	148	1.392	2.135	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	0	0	0	101	756	624	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng số siêu âm	873	5.018	3.116	13.648	80.899	84.939	601	3.580	2.869	397	2.585	2.408	447	2.549	2.644	1.943	10.835	11.554
8	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	345	1.747	1.046	3.604	20.621	16.805	161	814	659	53	333	261	79	528	402	334	1.756	1.864
	Tổng số điện tim, điện não	319	2.023	2.077	1.603	10.787	13.379	6	34	223	31	265	221	0	0	0	429	2.444	3.077
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	144	892	872	687	4.608	4.256	6	14	81	9	50	28	0	0	0	109	932	716

(*): các đơn vị không báo cáo

TT	Chỉ số hoạt động	Đak Đoa			Đak Pơ			Đức Cơ			Ia Grai			Ia Pa			KBang		
		Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước
1	Tổng số khám bệnh (chỉ tính TTYT)	3.573	22.189	26.195	2.038	13.367	10.967	4.588	28.076	27.997	2.971	19.356	19.629	1.665	10.323	12.496	3.540	22.136	23.110
	Trong đó: - Có thể BHYT	3.438	21.268	24.625	1.947	12.609	10.692	4.060	25.261	25.783	2.663	16.905	17.921	1.633	10.058	12.219	3.021	19.340	20.667
	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHD	580	3.450	3.588	75	385	335	1.130	6.805	4.554	973	5.469	6.425	280	1.966	2.823	290	2.483	2.026
	- Trẻ ≤ 15 tuổi	475	3.105	4.337	295	2.221	1.553	694	4.638	5.278	338	2.356	2.419	306	2.379	2.971	466	3.347	4.069
	- Người ≥ 60 tuổi	1.081	7.414	7.650	583	3.992	3.103	998	6.869	6.299	1.085	6.286	4.790	422	2.737	2.850	1.078	7.280	6.746
2	Số lượt BN khám bệnh phải chuyển tuyến	518	2.853	3.429	114	666	834	698	3.922	3.756	414	2.031	2.349	88	485	507	271	1.685	1.333
	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	518	2.853	3.429	114	666	834	698	3.922	3.756	414	2.031	2.349	88	485	507	271	1.685	1.333
	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú	490	2.750	3.072	243	1.643	1.217	544	3.165	2.892	342	2.070	2.323	199	1.580	2.042	562	3.658	4.674
	Trong đó: - Có thể BHYT	449	2.561	2.775	242	1.622	1.192	514	2.936	2.558	326	1.867	2.116	196	1.516	1.994	550	3.571	4.508
3	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHD	67	325	294	0	18	27	10	56	17	29	134	279	15	161	269	7	59	40
	- Trẻ ≤ 15 tuổi	110	571	1.020	26	182	572	131	964	1.060	65	440	630	20	424	886	164	1.113	1.805
	- Người ≥ 60 tuổi	146	792	614	44	332	154	87	518	598	76	452	367	53	339	412	108	840	973
	Trong đó: - Có thể BHYT	16	122	192	0	2	11	97	596	769	11	88	60	17	125	121	33	261	225
	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	16	122	192	0	2	11	97	596	769	11	88	60	17	125	121	33	261	225
	Tổng số ngày điều trị của bệnh nhân nội trú	3.197	17.019	15.125	1.113	8.512	6.982	1.941	10.412	7.863	1.717	9.402	11.420	1.001	7.293	9.877	3.406	19.916	21.298
	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú ra viện	487	2.713	2.880	226	1.607	1.150	478	2.563	2.094	290	2.018	2.320	206	1.580	2.047	592	3.661	4.146
	Số điều trị khỏi	439	2.442	1.591	215	1.332	1.077	402	2.234	65	197	1.373	1.577	130	808	1.132	360	2.251	2.329
	Số điều trị đỡ/giảm	32	149	1.097	6	229	59	66	272	1.979	78	570	683	58	635	773	193	1.106	1.496
5	Số điều trị không thay đổi	10	83	185	5	44	7	9	49	25	4	42	47	15	118	115	10	98	265
	Số điều trị bị nặng hơn	6	39	7	0	2	7	0	0	1	0	31	13	3	19	25	29	203	49
	Số tử vong	0	0	0	0	0	0	1	8	24	0	2	0	0	0	2	0	3	7
	Tr.đó, Tử vong trong 24 giờ đầu nhập viện	0	0	0	0	0	0	1	3	3	0	1	0	0	0	0		2	6
	Số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú	629	2.541	539	53	317	424	99	450	368	12	92	41	40	201	224	1.978	11.937	13.637
6	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	18	121	466	53	317	424	94	445	368	12	92	41	40	201	224	60	413	364
	Tổng số ngày điều trị bệnh nhân ngoại trú	17.232	79.440	2.715	124	978	1.608	786	4.571	4.585	102	854	354	357	1.993	2.276	547	4.323	2.943
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	175	1.175	2.352	124	978	1.608	786	4.571	4.585	102	854	354	39	215	211	49	404	252
	Tổng số xét nghiệm các loại	4.146	28.086	24.719	1.887	12.308	8.792	5.007	27.306	28.146	1.700	11.373	14.244	2.186	5.229	14.969	6.082	36.823	41.964
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	914	5.014	3.935	515	3.166	1.256	1.554	6.536	2.691	482	3.330	3.115	454	11.855	4.523	1.531	9.100	6.049
7	Tổng số chiếu, chụp X-quang	849	5.103	5.083	386	2.424	2.262	283	2.363	2.068	306	1.706	2.360	434	2.352	2.646	843	5.456	7.499
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	204	959	505	305	695	171	39	342	127	67	503	356	44	361	508	260	1.766	934
	Tổng số chụp MRI/ CT-Scanner	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	27	36	0
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	20	24	0
	Tổng số siêu âm	818	4.816	5.372	475	2.562	2.229	761	4.902	4.291	250	1.904	2.000	450	2.554	3.189	828	4.777	5.265
8	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	249	1.331	853	206	990	348	172	950	426	61	470	346	69	448	569	277	1.600	660
	Tổng số điện tim, điện não	99	782	844	134	998	767	59	445	701	10	213	137	5	97	146	85	592	686
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	38	198	128	16	93	69	29	143	96	10	65	5	3	26	80	55	364	243

(*): các đơn vị không báo cáo

TT	Chỉ số hoạt động	Kông Chro			Krông Pa			Mang Yang			Phú Thiện			TX An Khê			Ayun Pa		
		Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước
1	Tổng số khám bệnh (chỉ tính TTYT)	749	4.213	3.806	5.105	32.124	35.121	3.752	21.669	23.120	4.049	25.014	29.501	6.665	42.509	43.513	5.139	30.336	31.445
	Trong đó: - Có thẻ BHYT	594	3.372	2.705	5.024	30.693	30.593	2.957	17.543	18.937	3.545	21.893	4.566	5.682	37.778	38.841	4.144	25.970	26.967
	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHD	7	48	781	1.293	9.488	9.843	34	2.240	523	132	970	1.217	202	1.193	1.156	495	3.703	648
	- Trẻ ≤ 15 tuổi	131	694	592	1.041	7.263	9.305	335	2.235	3.556	610	4.487	6.962	663	5.057	6.418	626	4.353	5.975
	- Người ≥ 60 tuổi	119	752	894	1.210	7.267	6.391	879	6.095	5.612	1.075	6.702	6.891	2.368	15.620	14.105	1.357	8.617	7.595
2	Số lượt BN khám bệnh phải chuyển tuyến	71	364	331	946	4.906	4.713	535	3.190	3.117	415	2.498	2.993	211	1.498	1.225	72	577	676
	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh	0	0	0	385	2.045	1.854	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	10
	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	71	364	331	561	2.861	2.859	535	3.190	3.159	415	2.498	2.993	211	1.498	1.225	72	577	666
	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú	183	1.250	1.823	614	4.198	4.883	370	2.107	2.347	558	3.785	4.411	880	6.045	6.817	903	6.160	5.934
	Trong đó: - Có thẻ BHYT	180	1.203	1.680	599	4.038	4.703	353	1.981	2.132	544	3.579	4.066	844	5.766	6.441	870	5.864	5.607
3	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHD	0	0	4	101	688	0	15	108	48	65	211	165	0	0	0	15	119	113
	- Trẻ ≤ 15 tuổi	44	283	656	152	994	2.096	63	433	810	95	758	1.494	173	1.221	1.900	51	405	2.234
	- Người ≥ 60 tuổi	25	178	211	120	769	698	64	404	297	193	1.214	1.161	215	1.744	1.581	191	1.273	1.029
	Trong đó: - Có thẻ BHYT	41	252	329	74	567	731	19	222	657	20	158	293	66	463	77	34	221	268
	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh	0	0	10	55	443	626	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	41	252	329	19	124	105	19	222	657	19	154	282	66	463	77	34	221	268
	Tổng số ngày điều trị của bệnh nhân nội trú	605	3.855	6.585	3.210	18.179	20.411	1.762	10.338	10.693	2.721	14.971	18.749	3.930	28.698	28.036	4.604	28.380	31.084
	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú ra viện	154	942	1.418	619	3.951	5.239	370	2.107	2.347	496	3.217	3.816	906	6.106	6.844	781	5.400	5.807
	Số điều trị khỏi	80	471	574	505	3.098	1.569	229	1.321	1.299	237	1.587	2.215	443	2.943	2.099	206	1.604	1.125
	Số điều trị đỡ/giảm	68	434	850	39	276	2.893	82	460	735	229	1.278	1.355	398	2.730	4.401	520	3.404	4.408
5	Số điều trị không thay đổi	6	36	19	15	130	714	50	203	281	17	220	114	40	204	262	17	122	179
	Số điều trị bị nặng hơn	0	0	0	58	440	54	9	119	36	11	120	116	25	224	78	33	230	75
	Số tử vong	0	1	2	1	6	5	0	3	0	2	12	16	0	5	4	5	40	20
	Tr.đó, Tử vong trong 24 giờ đầu nhập viện	0	0	0	1	6	4	0	2	0	1	7	9	0	3	1	3	22	10
	Số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú	5	48	67	3.401	21.686	20.888	69	453	341	73	381	398	5.369	35.714	31.906	572	3.724	3.089
6	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	5	48	67	28	244	360	69	381	322	73	381	398	26	147	146	67	539	417
	Tổng số ngày điều trị bệnh nhân ngoại trú	137	743	810	17.005	108.430	104.440	175	1.730	1.385	364	1.891	1.960	217	1.084	1.349	1.730	10.509	9.561
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	7	50	164	0	0	0	175	1.554	1.106	26	136	140	24	136	142	67	539	417
	Tổng số xét nghiệm các loại	193	1.311	1.961	3.638	23.934	13.366	1.751	16.589	11.490	3.119	21.226	25.988	6.545	43.486	43.354	8.719	50.638	53.943
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	100	800	1.403	1.133	6.771	4.925	426	2.504	2.758	1.354	11.114	9.869	2.713	18.249	9.724	3.773	25.501	20.245
7	Tổng số chiếu, chụp X-quang	55	396	670	451	2.951	2.734	312	2.391	2.466	398	2.893	3.736	1.100	7.419	8.913	556	3.720	4.388
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	17	147	229	63	414	322	42	397	412	60	546	632	263	1.614	1.440	172	1.195	1.037
	Tổng số chụp MRI/ CT-Scanner	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	704	1.010	121	652	682
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	375	361	81	357	186
	Tổng số siêu âm	128	662	813	1.195	6.689	5.988	411	3.022	2.810	804	4.657	6.002	1.063	7.073	8.140	1.142	7.038	7.384
8	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	41	245	391	281	1.563	1.371	139	874	769	208	1.298	1.309	365	2.453	2.116	417	2.766	2.780
	Tổng số điện tim, điện não	0	0	199	44	258	145	42	376	436	100	555	1.272	263	1.905	2.538	102	599	793
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	0	0	0	30	165	142	11	88	108	34	268	440	159	1.106	1.072	95	499	679

(*): các đơn vị không báo cáo

TT	Chỉ số hoạt động	Pleiku			CS Chư Prông		
		Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế cùng kỳ năm trước
1	Tổng số khám bệnh (chỉ tính TTYT)	11.354	77.781	92.278	3.140	16.764	15.333
	<i>Trong đó: - Có thẻ BHYT</i>	10.918	74.939	88.115	3.066	16.299	15.106
	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHD	1.897	12.876	12.516	0	0	0
	- Trẻ ≤ 15 tuổi	687	5.510	8.093	328	2.249	3.075
	- Người ≥ 60 tuổi	188	32.848	31.809	901	5.972	5.686
2	Số lượt BN khám bệnh phải chuyển tuyến	592	3.839	4.451	156	898	800
	<i>Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh</i>	0	0	0	0	0	0
	<i>Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)</i>	592	3.839	4.451	156	898	800
3	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú	585	2.947	3.880	517	2.919	2.865
	<i>Trong đó: - Có thẻ BHYT</i>	566	2.814	3.665	459	2.672	2.669
	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHD	25	98	94	0	0	0
	- Trẻ ≤ 15 tuổi	30	210	831	119	769	1.032
	- Người ≥ 60 tuổi	114	708	766	63	448	362
4	Trong đó: - Có thẻ BHYT	16	119	75	15	113	89
	<i>Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh</i>	0	0	0	0	0	0
	<i>Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)</i>	16	119	75	15	113	101
5	Tổng số ngày điều trị của bệnh nhân nội trú	3.157	16.589	18.253	2.393	13.310	13.136
6	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú ra viện	535	4.203	3.832	504	2.941	2.845
	<i>Số điều trị khỏi</i>	402	3.211	3.027	181	463	291
	<i>Số điều trị đỡ/giảm</i>	114	809	740	302	2.310	2.405
	<i>Số điều trị không thay đổi</i>	5	78	54	15	138	45
	<i>Số điều trị bị nặng hơn</i>	14	105	11	5	8	1
	<i>Số tử vong</i>	0	0	0	1	9	7
	<i>Tr.đó, Tử vong trong 24 giờ đầu nhập viện</i>	0	0	0	0	0	0
7	Số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú	9.850	68.594	90.131	0	0	0
	<i>Trong đó: Có bệnh án ngoại trú</i>	135	1.180	1.117	0	0	0
8	Tổng số ngày điều trị bệnh nhân ngoại trú	1.784	17.843	33.376	0	0	0
	<i>Trong đó: Có bệnh án ngoại trú</i>	1.784	17.843	33.376	0	0	0
9	Tổng số xét nghiệm các loại	6.111	39.950	59.674	4.653	20.023	15.061
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	2.255	12.466	4.792	1.544	5.795	3.369
10	Tổng số chiếu, chụp X-quang	1.391	8.761	12.510	624	3.418	3.034
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	235	1.419	753	58	482	730
11	Tổng số chụp MRI/ CT-Scanner	0	0	443	0	0	0
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	0	0	77	0	0	0
12	Tổng số siêu âm	1.026	6.534	8.386	909	4.160	3.595
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	214	1.059	525	278	1.143	1.156
13	Tổng số điện tim, điện não	131	801	968	63	423	226
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	78	449	239	5	148	130

(*): các đơn vị không báo cáo